

Bản án số: 471/2020/HS-PT

Ngày: 24/9/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Bà Lê Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Vỹ, kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 390/2020/TLPT-HS ngày 12 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo Phạm Văn H và các đồng phạm phạm tội “Buôn lậu” do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 109/2020/HSST ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. **Phạm Văn H**, sinh ngày 09/6/1979 tại Thái Bình; nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi phạm tội: Số 30 Liên kè 3, Khu đô thị mới Văn Kh, phường La Kh, quận Hà Đ, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn T (đã chết) và bà Lê Thị T1; có vợ là Trần Thị H1 và có 04 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/6/2017 đến ngày 04/10/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

2. **Lương Đức Th**, sinh ngày 29/3/1989 tại Thái Bình; chỗ ở trước khi phạm tội: Đường Yên L, phường Yên Ngh, quận Hà Đ, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Nhân viên văn phòng Công ty TNHH xuất nhập khẩu Tuấn C; trình độ

văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lương Văn Q và bà Nguyễn Thị Ng; có vợ là Tống Thị Nh và có 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/6/2017 đến ngày 02/02/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

3. **Trần Mạnh D**, sinh ngày 04/9/1986 tại Thái Bình; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: 3/46/272 đường Đà N, phường Vạn M, quận Ngô Q1, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Gia B và bà Nguyễn Thị M (đã chết); có vợ là Phạm Thị H2 và có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/6/2017 đến ngày 21/6/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

(Trong vụ án này, còn có bị cáo khác là Vũ Đức T2, nhưng không kháng cáo và không bị kháng nghị, nên tòa không triệu tập).

Người bào chữa cho bị cáo D có Luật sư Nguyễn Đắc U, Công ty Luật TNHH Nam Trung Th1, Đoàn Luật sư tp Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 6 giờ 30 ngày 04/6/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội phát hiện trên đường Tô Hữu thuộc địa bàn phường Yên Ngh, quận Hà Đ, thành phố Hà Nội có 06 xe ô tô sơ mi rơ mooc kéo theo 06 container lưu thông từ hướng Hải Phòng về kho của Công ty TNHH xuất nhập khẩu Tuấn Th1 (Kho nằm trong khu đất của Trường Đại học Thành T3) thấy có biểu hiện nghi vấn nên Tổ công tác đã tiến hành kiểm tra xe ô tô thì phát hiện được:

1. Xe sơ mi rơ mooc BKS: 15R-059.21, xe đầu kéo BKS: 15C-115.17 kéo theo container TCNU7568683, kẹp chì **YMZA404645**, lái xe là Đào Duy H4 (thuộc Công ty TNHH TM vận tải Huy Th2) kiểm tra thu giữ 11 loại máy với tổng số 38 máy, thiết bị các loại đã qua sử dụng.

2. Xe sơ mi rơ mooc BKS: 15R-090.76, xe đầu kéo BKS: 15C-170.67 kéo theo container TCNU6168846, kẹp chì **YMZA085086**, lái xe Vũ Văn Q; kiểm tra thu giữ 04 loại máy với tổng số 10 máy, thiết bị các loại đã qua sử dụng.

3. Xe sơ mi rơ mooc BKS: 15R-080.91, xe đầu kéo BKS: 15C-153.61 kéo theo container TCNU3851856, kẹp chì **YMZA085093**; lái xe Đoàn Tuấn A kiểm tra thu giữ 07 loại máy với tổng số 10 máy, thiết bị các loại đã qua sử dụng.

4. Xe sơ mi rơ mooc BKS: 15R-074.97, xe đầu kéo BKS: 15C-146.59 kéo theo container YMLU8649514, kẹp chì **YMZA083549**, lái xe Hà Văn Q2 (lái xe Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thiệu L1); kiểm tra thu giữ 03 máy, thiết bị các loại đã qua sử dụng.

5. Xe sơ mi rơ mooc BKS: 15R-080.36, xe đầu kéo BKS: 15C-156.59 kéo theo container YMLU8696964, kẹp chì **YMZA085016**, lái xe Đoàn Văn Kh1 (thuộc Công ty CP tiếp vận Việt U1) kiểm tra thu giữ 19 loại máy với tổng số 110 máy, thiết bị các loại đã qua sử dụng.

6. Xe sơ mi rơ móc BKS: 15R-092.52, xe đầu kéo BKS: 15C-169.47 kéo theo container CAIU9392434 còn nguyên kẹp chì **YMZA404629**; kiểm tra thu giữ 11 loại máy với tổng số 20 máy, thiết bị các loại đã qua sử dụng.

Tại cơ quan điều tra, lái xe của các xe sơ mi rơ mooc nêu trên đã khai: T2 bộ số hàng hóa trong 6 container là của Công ty TNHH xuất nhập khẩu Tuấn C và Công ty TNHH Hùng H3 thuê chở từ cảng Nam Hải Đình Vũ, thành phố Hải Phòng về kho của Công ty TNHH xuất nhập khẩu Tuấn C và Công ty TNHH Hùng H3 do Phạm Văn H là chủ tịch Hội đồng thành viên của Công ty TNHH xuất nhập khẩu Tuấn C và là Giám đốc của Công ty TNHH Hùng H3.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã khám xét khẩn cấp: Kho hàng của Công ty Tuấn C; kho hàng của Công ty Hùng H3 tại địa chỉ: Khu đất của Trường Đại học Thành T3 ở đường Tố Hữu, phường Yên Ngh, quận Hà Đ, thành phố Hà Nội. Tổng số máy, thiết bị đã qua sử dụng phát hiện khi tiến hành khám xét là: 344 máy móc, thiết bị và hàng nghìn chi tiết linh kiện máy cơ khí. Như vậy, Cơ quan điều tra thu giữ của Công ty Tuấn C và của Công ty Hùng H3 là: 535 máy móc, thiết bị và hàng nghìn chi tiết linh kiện máy cơ khí.

Tại cơ quan điều tra Phạm Văn H đã xuất trình hóa đơn, chứng từ, hồ sơ nhập khẩu và khai: số hàng hóa thu giữ nêu trên là máy móc, thiết bị đã qua sử dụng được Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Tuấn C và Công ty TNHH Hùng H3 nhập khẩu từ các nước: Nhật Bản, Singapore vận chuyển qua đường biển về Việt Nam tại cảng Nam Hải Đình Vũ, kê khai tại cảng Nam Hải Đình Vũ, thành phố Hải Phòng và khai có một số máy móc, thiết bị kê khai năm sản xuất không đúng với thực tế (kê khai năm sản xuất mới hơn so với thực tế) và một số máy móc, thiết bị kê khai nhãn hiệu không đúng với thực tế. Ngoài ra, có một số máy móc, thiết bị không được Công ty TNHH xuất nhập khẩu Tuấn C và Công ty TNHH Hùng H3 kê khai hải quan.

- Tại Bản kết luận giám định số 3899/C54-P6 ngày 18/11/2017 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an xác định: Trong 535 máy móc, thiết bị và hàng nghìn chi tiết linh kiện máy cơ khí thu giữ nêu trên có 52 loại máy với tổng số 75 máy, thiết bị định giá được.

- Tại Bản kết luận định giá số 866/KL-HĐĐGTS ngày 01/2/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng thành phố Hà Nội kết luận: 52 loại máy với tổng số 75 máy, thiết bị không được phép nhập khẩu có giá trị là 828,606.000 đồng. Trong đó có 08 loại máy với tổng số 8 máy, thiết bị có giá trị 50.816.500 đồng không xác định được nhập khẩu theo tờ khai hải quan cũng như chứng thư nào (không xác định được có nhập sau Thông tư 23 không). Vì vậy, Cơ quan điều tra có quyết định tách tài liệu để tiếp tục điều tra xử lý sau.

Do đó, chỉ đủ căn cứ kết luận 44 loại máy với tổng số 67 máy, thiết bị có giá trị: 777.789.500 đồng nhập lậu về Việt Nam (Bút lục 216 đến 222), trong đó có: 30 loại máy với tổng số 52 máy, thiết bị trị giá 503.898.600 đồng thu trong 06 container chưa làm thủ tục giám định còn 14 loại máy với tổng số 15 máy, thiết bị trị giá 273.890.900 đồng thu giữ trong kho có chứng thư của Cơ quan giám định.

Quá trình điều tra đã xác định được như sau:

Trong quá trình kinh doanh, Phạm Văn H đã thành lập 02 công ty gồm: Công ty TNHH Hùng H3 (gọi tắt là Công ty Hùng H3) và Công ty TNHH xuất nhập khẩu Tuấn C (gọi tắt là Công ty Tuấn C). Công ty Hùng H3 được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái Bình cấp giấy đăng ký kinh doanh số 1000785631 ngày 15/9/2010 có trụ sở tại: Lô 525m² ở thôn Thái Cao, xã Nam Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình do Phạm Văn H làm giám đốc và là người đại diện theo pháp luật. Ngành nghề kinh doanh; Mua bán, xuất nhập khẩu, cho thuê máy móc, thiết bị ngành xây dựng, nông nghiệp, cơ khí chế tạo...

Công ty Tuấn C được Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy đăng ký kinh doanh số 0106732035 ngày 05/01/2015, trụ sở tại: Liên kè 3, số 30 khu đô thị Văn Kh, phường La Kh, quận Hà Đ, thành phố Hà Nội do Nguyễn Văn H5, trú tại: Thôn An Sơn, xã An Bình, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình làm giám đốc và Phạm Văn H là Chủ tịch Hội đồng thành viên - là người đại diện theo pháp luật.

Từ năm 2014, Công ty Hùng H3 và Công ty Tuấn C nhập khẩu các loại máy công cụ phục vụ cho các ngành công nghiệp, nông nghiệp, xe công trình và các thiết bị ngành điện như mô tơ, máy hàn, máy hơi cũ, phụ tùng ô tô cũ ...từ nước ngoài về Việt Nam. Phạm Văn H thuê Lương Đức Th làm kế toán phụ trách xuất nhập khẩu và thuê Trần Mạnh D làm thủ tục hải quan tại cảng Hải

Phòng cho Công ty Hùng H3 và Công ty Tuấn C. Việc trao đổi mua bán hàng hóa giữa 02 công ty với đối tác nước ngoài được gửi qua Mail của công ty. Th và D sử dụng Mail của công ty để hoàn thiện thủ tục trong việc mua bán, nhập khẩu hàng hóa của Công ty Hùng H3 và Công ty Tuấn C. Theo H khai: Trong quá trình kinh doanh, căn cứ vào nhu cầu của khách hàng trong nước, H đặt mua các loại máy móc, thiết bị cơ khí là máy tiện, máy cắt, máy khoan, cưa... đã qua sử dụng từ đối tác người Việt Nam sinh sống tại Nhật Bản. Trong đó 01 người có tên là Lâm Tăng Bình và 01 người có tên là TOMMY SOKAI thường gọi là Hân. Thời gian đầu H sang Nhật Bản tìm kiếm và đặt mua các loại máy, thiết bị cũ đã qua sử dụng và ký hợp đồng với đối tác Nhật Bản. Sau một thời gian quen biết, các đối tác tại Nhật Bản biết các loại hàng hóa, máy móc H cần mua nên họ tự tìm nguồn hàng và thu gom chuyển về Việt Nam cho H, H không phải sang Nhật Bản để ký hợp đồng, Khi đối tác bên Nhật thu gom một số lượng máy nhất định thì họ chụp ảnh rồi gửi qua mạng Internet như Mail hoặc Zalo cho H xem và hai bên thống nhất giá. Sau khi thống nhất về giá, trước khi đóng hàng vào Container, đối tác nước ngoài chụp ảnh, gửi thông tin về số lượng máy móc và số tiền vào Mail của công ty. Th làm lệnh chuyển tiền để thanh toán tiền cho đối tác Nhật Bản thông qua Ngân hàng TMCP MBbank. Căn cứ trên những thông tin do đối tác bên Nhật cung cấp, Th tạo dựng ra 01 Hợp đồng mua bán bằng cách: Scan lại hợp đồng, vận đơn và các tài liệu khác lên máy vi tính và chỉnh sửa, ghép tên đối tác nước ngoài và chữ ký (người bán hàng) rồi in ra để H ký và đóng dấu của Công ty Hùng H3 hoặc Công ty Tuấn C vào hợp đồng. Th gửi hợp đồng đã chỉnh sửa qua Mail cho Trần Mạnh D, đồng thời Th gửi cho D bộ hồ sơ đã chỉnh sửa gồm: Hợp đồng, hóa đơn, danh sách chi tiết hàng hóa cho D để D đăng ký số tờ khai và nạp thông tin lô hàng vào mạng đăng ký khai báo hải quan điện tử. Khi hàng cập cảng, D mang Hồ sơ gồm: Hợp đồng, hóa đơn, danh sách chi tiết hàng hóa; ủy nhiệm chi, phiếu chuyển khoản tiền đã thanh toán cho người bán và tài liệu về các vận đơn vận chuyển hàng hóa từ nước ngoài về Việt Nam đến Hải Quan để làm thủ tục thông quan.

Ngày 13/11/2015, Bộ khoa học và Công Nghệ ban hành Thông tư số 23 có hiệu lực từ ngày 01/7/2016, có nội dung quy định về việc nhập khẩu máy móc, thiết bị đã qua sử dụng có năm sản xuất dưới 10 năm so với năm nhập khẩu. Cơ quan Hải quan có quy định: Đối với những mặt hàng đã qua sử dụng khi nhập khẩu vào Việt Nam phải có cơ quan giám định, giám định các yêu cầu trong tờ khai nhập khẩu như: Năm sản xuất, xuất xứ, nhãn hiệu thương mại, thời gian nhập khẩu, tình trạng cũ, mới... Sau khi tiếp nhận hồ sơ và hàng (container) đã cập cảng cán bộ hải quan phê duyệt cho hàng về bảo quản làm thủ tục giám định. Doanh nghiệp mang hàng về kho mở container để cơ quan giám định tiến hành giám định hàng hóa ra chứng thư giám định. Sau khi có chứng thư giám

định, doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng, thuế nhập khẩu, doanh nghiệp mang chứng thư, phiếu thu thể hiện đã nộp thuế xong đến Chi cục hải quan hoàn tất thủ tục thông quan hàng hóa.

Mặc dù biết rõ nhà nước Việt Nam cấm nhập khẩu loại máy móc, thiết bị đã qua sử dụng được sản xuất từ trên 10 năm, nhưng vì hám lợi nên Phạm Văn H vẫn tìm cách nhập lậu về Việt Nam. Để nhập khẩu được số máy móc, thiết bị cũ được sản xuất trên 10 năm thì Phạm Văn H, Lương Đức Th và Trần Mạnh D đã thống nhất: Th chỉnh sửa trong Hợp đồng mua bán, danh sách hàng hóa các loại máy, thiết bị cũ có năm sản xuất là năm 2008, 2009, 2010. Th đã sửa hợp đồng ghép tên công ty và đối tác bán hàng và thêm năm sản xuất từ năm 2008, 2009, 2010 rồi gửi cho Trần Mạnh D để D làm thủ tục với hải quan. Sau đó, D kê khai hải quan theo hồ sơ đã được Th chỉnh sửa. Th lấy lệnh tên hãng tàu, mở tờ khai, nộp thuế, làm thủ tục thông quan, thuê xe vận tải chở hàng về kho của công ty, trả kết quả kiểm tra chất lượng. Khi có hàng hóa nhập khẩu, Công ty sẽ gửi Email gồm Hợp đồng, hóa đơn và danh sách hàng hóa để cho D biết số lượng hàng hóa, D nhằm tính chi phí phải nộp theo quy định Nhà nước gồm: Thuế nhập khẩu, chi phí lấy lệnh của hãng tàu, chi phí thuê xe Container vận chuyển hàng hóa từ cảng về kho của công ty.. D thông báo cho công ty để công ty chuyển tiền vào tài khoản của D. Sau khi kê khai xong, D cầm hồ sơ, tờ khai nộp Hải quan thẩm định hồ sơ hàng hóa, nếu hồ sơ hợp lệ thì cho tạm mang hàng về kho của công ty (hàng vẫn còn niêm phong, kẹp chì). Sau khi làm các thủ tục trung cầu giám định hàng hóa thì chuyển lại kết quả cho D và D cầm kết quả lên hải quan làm thủ tục thông quan hàng hóa. Để có kết luận chứng thư giám định phù hợp với hồ sơ nhập khẩu, H chỉ đạo Th liên hệ với Công ty giám định để hoàn thiện các thủ tục nhập khẩu hàng hóa. Th đã liên hệ đăng ký thuê Công ty cổ phần giám định khử trùng VietNamControl để giám định hàng hóa nhập khẩu theo quy định của Hải quan. Công ty cổ phần giám định khử trùng VietNamControl được Bộ Khoa học và Công nghệ có Quyết định công nhận tổ chức giám định vào ngày 7/12/2015 do bà Trần Thị Kim C1 - Tổng giám đốc và ông Cao Nguyễn Triều D1 - Phó tổng giám đốc là người phụ trách. Ngô Vi D2 giữ chức vụ Phó tổng giám đốc phụ trách khu vực miền Bắc - Công ty cổ phần giám định khử trùng VietNamControl. Ngày 22/6/2016, bà Trần Thị Kim C1 - Tổng giám đốc ký Giấy ủy quyền số 07/2016/UQ-VNC ủy quyền cho Ngô Vi D2 là người trực tiếp ký và chịu trách nhiệm với các nội dung kết luận của Chứng thư giám định và phát hành các chứng thư giám định. Ngoài ra, khi Công ty cổ phần giám định khử trùng VietNainControl - Chi nhánh Miền Bắc mới thành lập Công ty cổ phần giám định khử trùng VietNamControl còn cử Đặng Tấn Ph là Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần giám định khử trùng VietNamControl, ra hỗ trợ chi nhánh Miền Bắc lúc mới thành lập. Ngô Vi D2,

Đặng Tân Ph phải thực hiện nhiệm vụ của mình theo đúng Quy trình thực hiện nhiệm vụ giám định số 17020 VIF-P10 do Công ty cổ phần giám định khử trùng VietNamControl ban hành ngày 1/3/2016. Cụ thể: Giám định viên có trách nhiệm trình toàn bộ hồ sơ giám định cho Phó tổng giám đốc kèm theo chứng thư giám định. Việc kiểm tra hồ sơ của Phó tổng giám đốc nghiệp vụ giám định mang tính chất giám sát quá trình triển khai hoạt động giám định của phòng giám định và của các chi nhánh về quy trình thực hiện việc giám định và xác nhận việc tuân thủ các bước trong quy trình giám định theo quy định của hệ thống quản lý chất lượng ISO/IEC 17020. Tuy nhiên, Phó tổng giám đốc nghiệp vụ không được chỉ đạo, can thiệp vào kết quả giám định.

Cuối năm 2016, Công ty cổ phần giám định khử trùng Vietnam Control phân công Vũ Đức T2 theo dõi lấy thông tin từ hiện trường số hàng hóa mà Công ty Tuấn C, công ty Hùng H3 đăng ký giám định. Nhiệm vụ của T2 xuống chụp ảnh, thu thập thông tin, tài liệu liên quan phục vụ việc giám định số hàng hóa của công ty Tuấn C và Công ty Hùng H3. T2 đã xuống kho Công ty chụp chi tiết các bộ phận của máy như tem, nhãn, mác, năm sản xuất (mỗi máy chụp 5 đến 12 bản ảnh/máy) thống kê các thông tin, tài liệu trong hồ sơ nhập khẩu thành 01 báo cáo (So sánh giữa danh mục đăng ký và thực tế hiện trường) rồi gửi toàn bộ tài liệu cho phòng kỹ thuật của Tổng công ty để thẩm định. Sau đó, báo cáo cho Phó tổng giám đốc nghiệp vụ giám định duyệt và ký chứng thư (Kết luận giám định). T2 chụp các bộ phận hiện trạng máy để xác định độ hao mòn, còn về năm sản xuất thì chụp toàn bộ tem, nhãn, nếu tem, nhãn không ghi năm sản xuất sẽ kiểm tra các tài liệu trong hồ sơ nhập khẩu (Hợp đồng, hóa đơn, catalo....). Trong quá trình thu thập thông tin lập hồ sơ giám định T2 thấy có một số máy sản xuất từ năm 2000, 1994 không đạt yêu cầu nên T2 đã trao đổi với Th thì Th nhờ T2 giúp đỡ chỉnh sửa trong hồ sơ giám định “sửa lại thông tin, năm sản xuất” của máy từ những năm 2008, 2009, 2010 theo nội dung của tờ khai Hải quan để hàng hóa của Công ty được thông quan và được T2 đồng ý. Với thủ đoạn trên thì kể từ tháng 8/2016 đến tháng 6/2017, Vũ Đức T2 biết rõ Phạm Văn H, Lương Đức Th và Trần Mạnh D đã có hành vi gian dối chỉnh sửa hồ sơ nhập khẩu sai lệch về năm sản xuất máy móc thiết bị đã qua sử dụng không đúng tiêu chuẩn theo qui định của pháp luật Việt Nam, nhưng vẫn đồng tình xác lập sai lệch 12 Chứng thư giám định của 14 loại với tổng số 15 máy, thiết bị có tổng giá trị 273.890.900 đồng phù hợp với hồ sơ nhập khẩu. Ngô Vi D2 với chức trách nhiệm vụ của mình đã không giám sát quá trình triển khai hoạt động giám định của phòng giám định và của các chi nhánh về quy trình thực hiện việc giám định và xác nhận việc tuân thủ các bước trong quy trình giám định dẫn đến hậu quả Cục Hải quan thành phố Hải Phòng đã cho thông quan máy móc thiết bị đã qua sử dụng không đúng tiêu chuẩn theo qui định của pháp luật Việt Nam.

Quá trình điều tra đã xác định: Ngô Vi D2 đã không kiểm tra nội dung báo cáo thực tế của giám định viên Vũ Đức T2 gửi cho D2 qua hộp thư điện tử (Email), không kiểm tra lại 6 hồ sơ giám định (bản ảnh thực tế, báo cáo hiện trường) của 6 máy, thiết bị trị giá 164.320,000 đồng. Đặng Tấn Ph ký 06 Chứng thư của 09 máy, thiết bị có năm sản xuất sai lệch so với thực tế.

* Về số tiền hưởng lợi bất chính, quá trình điều tra xác định:

- Phạm Văn H là đối tượng chủ mưu và hưởng toàn bộ số tiền do hành vi buôn lậu thu lợi được. Đến nay cơ quan điều tra không xác định được số tiền H thu lời từ việc bán số máy đã nhập lậu từ tháng 8/2016 đến tháng 6/2017. số máy móc cơ quan điều tra đề nghị truy tố thì H chưa bán được; do vậy, căn cứ tài liệu chứng từ đã thu giữ trong vụ án Cơ quan điều tra không có căn cứ xác định số tiền Phạm Văn H được hưởng lợi từ hành vi Buôn lậu, mà do Phạm Văn H tự khai nhận với cơ quan điều tra là đã thu lời được 150.000.000 đồng.

- Lương Đức Th chỉ được H trả lương hàng tháng do Th là nhân viên Công ty TNHH xuất nhập khẩu Tuấn C, số tiền lương 10.000.000 đồng/1 tháng. Trần Mạnh D được H trả cho 3.000.000 đồng cho mỗi lô hàng là tiền phí do H thuê D giúp kê khai hàng hóa tại Cục hải quan thành phố Hải Phòng. Vũ Đức T2 được Công ty cổ phần giám định khử trùng VietNamcontrol trả lương hàng tháng là 5.000.000 đồng/1 tháng. Số tiền phí giám định do Công ty Tuấn C chuyển khoản thanh toán cho Công ty cổ phần giám định khử trùng VietNamControl. Cả 3 bị cáo đều nhận số tiền là tiền lương hoặc phí dịch vụ do làm thuê mà có, họ không được biết và hưởng lợi trực tiếp từ số tiền thu lời bất chính. Vì vậy, không có căn cứ kết luận Lương Đức Th, Trần Mạnh D, Vũ Đức T2 được hưởng lợi bất chính.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 109/2020/HSST ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn H, Lương Đức Th, Trần Mạnh D và Vũ Đức T2 đều phạm tội “*Buôn lậu*”.

1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 188; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn H 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/6/2017 đến ngày 04/10/2017.

2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 188; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Lương Đức Th 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/6/2017 đến ngày 02/02/2018.

3. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 188; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58;

Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Trần Mạnh D 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/6/2017 đến ngày 21/6/2018.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt của bị cáo Vũ Đức T2, quyết định biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 11/5/2020, các bị cáo Phạm Văn H, Lương Đức Th và Trần Mạnh D có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo đều thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội “Buôn lậu” đúng như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết, các bị cáo không có ý kiến gì khác, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, vì các bị cáo đã rất hối hận về hành vi trái pháp luật của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi kiểm tra tính có căn cứ pháp luật của bản án sơ thẩm thì đã khẳng định: Các bị cáo đã thực hiện hành vi “Buôn lậu” đúng như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết. Sau khi vụ án bị phát hiện các bị cáo đã thành khẩn khai báo, các bị cáo đều có nhân thân tốt và đã tỏ ra ăn năn hối cải, tài sản là máy móc, thiết bị nhập lậu thì đã được tịch thu; gia đình các bị cáo đều có công với cách mạng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử khoan hồng, giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt tù, để các bị cáo yên tâm cải tạo và sớm trở về với gia đình và xã hội.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Mạnh D: Đề nghị Hội đồng xét xử đánh giá vai trò của D thấp hơn vai trò của Lương Đức Th vì D chỉ là đồng phạm giúp sức. Hành vi phạm tội của D thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận thức về pháp luật còn hạn chế; chưa có tiền án, tiền sự; hoàn cảnh gia đình khó khăn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo D được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

1. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội và của Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội và của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và quá trình xét xử sơ thẩm đều đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm thì các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều không khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng, của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết

định tổ tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp lệ.

Trong vụ án này, các bị cáo Phạm Văn H, Lương Đức Th, Trần Mạnh D thực hiện hành vi phạm tội có tính đồng phạm, trong đó bị cáo H giữ vai trò chính, tiếp theo là Lương Đức Th và Trần Mạnh D là những người thực hành tích cực, trong đó vai trò của bị cáo Th có phần cao hơn bị cáo D.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy: Sau khi vụ án bị phát hiện thì trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Phạm Văn H còn tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính 150.000.000 đồng, không những thế bị cáo còn bị thu hồi toàn bộ máy móc thiết bị do bị cáo nhập khẩu về Việt Nam. Bị cáo H đã có nhiều đóng góp thiện nguyện cho các quỹ vì người nghèo, quỹ chất độc da cam, trực tiếp cứu giúp người bị nạn và được tặng nhiều giấy khen. Các bị cáo Th, D giúp sức cho H nhưng đều chưa được hưởng lợi bất chính. Đối với bị cáo Lương Đức Th còn có bố đẻ là thanh niên xung phong và được tặng kỷ niệm chương về thanh niên xung phong. Thời gian gần đây bị cáo lại tích cực tham gia ủng hộ tuyến đầu phòng chống dịch Covid-19 đầu năm 2020, bị cáo đã và đang phụng dưỡng Bà ruột là vợ của liệt sỹ. Đối với bị cáo Trần Mạnh D thì gia đình có công với cách mạng, bố được tặng thưởng huân, huy chương; bị cáo D cũng tham gia tích cực đóng góp ủng hộ tuyến đầu chống dịch Covid-19 đầu năm 2020.

Căn cứ vào tính chất mức độ về hành vi phạm tội, cũng như đánh giá về vị trí, vai trò của từng bị cáo trong vụ án, cũng như xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần giảm nhẹ một phần hình phạt tù đối với các bị cáo để giúp các bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình và xã hội, nhưng vẫn có đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo kháng cáo xin được giảm nhẹ, được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên và căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ mức hình phạt tù của các bị cáo Phạm Văn H, Lương Đức Th, Trần Mạnh D; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 109/2020/HSST ngày 07/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về phần hình phạt tù đối với các bị cáo. Nay tuyên:

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn H, Lương Đức Th, Trần Mạnh D đều phạm tội “Buôn lậu”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 188; các điểm b, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, xử phạt:

Bị cáo Phạm Văn H 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo H tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ thời gian đã bị bắt tạm giữ, giam từ ngày 06/6/2017 đến 04/10/2017).

Bị cáo Lương Đức Th 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo Th tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ thời gian đã bị bắt tạm giữ, giam từ ngày 06/6/2017 đến 02/02/2018).

Bị cáo Trần Mạnh D 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo D tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ thời gian đã bị bắt tạm giữ từ ngày 06/6/2017 đến 21/6/2018).

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân CC tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tp Hà Nội;
- Tòa án nhân dân tp Hà Nội;
- Cục Thi hành án dân sự tp Hà Nội;
- Trại tạm giam thuộc Công an tp Hà Nội;
- Các bị cáo (theo đ/c);
- Lưu:

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Hùng